TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hiền

2. Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lâm Văn T**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0339.....

2. Bị đơn: Chị **Trần Ánh N**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2018, bản tự khai ngày 07/11/2018, biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lâm Văn T trình bày:*

Anh và chị Trần Ánh N có tìm hiểu, quen biết nhau trước một thời gian đến năm 2013 được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên có tổ chức đám cưới cho anh chị theo phong tục tập quán tại địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2013. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng đi làm thuê ở Đồng Nai bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên

thường xuyên cãi nhau, do đó anh bỏ về quê sinh sống từ năm 2014 đến nay, còn chị N đã thu dọn toàn bộ đồ dùng cá nhân về nhà cha mẹ ruột sinh sống, do đó vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay, hai bên không còn liên lạc qua lại gì với nhau.

Về con: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với chị Trần Ánh N;

- Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn anh Lâm Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn chị Trần Ánh N vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn anh T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn chị N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho anh Lâm Văn T ly hôn chị Trần Ánh N; về quan hệ nuôi con chung, về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn chị Trần Ánh N biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi

kiện *"ly hôn"* của nguyên đơn anh Lâm Văn T. Nhưng bị đơn chị N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị N, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn chị N vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn chị Trần Ánh N, nhưng bị đơn chị N vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị N, nhưng bị đơn chị N vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lâm Văn T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Anh Lâm Văn T và chị Trần Ánh N khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 26/3/2013. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lâm Văn T thấy rằng: Theo anh T trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã không thể khắc phục được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, từ khi ly thân đến thời điểm này thì cả hai bên anh T và chị N không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chị N là có thật, cụ thể năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến hai bên đã cãi nhau và đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay (Bút lục số 24, 25).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy anh T và chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo anh T, anh và chị N chưa có con chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc này cũng đã được thông báo cho chị N biết rõ trong Thông náo thụ lý vụ án để chị N biết, nhưng đến nay chị N không có ý kiến gì phản bác ý kiến của anh T và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (anh T, chị N) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về con, tài sản và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết đến phần này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Lâm Văn T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lâm Văn T và chị Trần Ánh N.

2 - Về nuôi con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

3 - Về án phí: Anh Lâm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006016 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 02/5/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mỹ Linh